

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2020

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Lưu Văn M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2 Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 05/10/1996.

HKTT: Ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ B, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lưu Văn M trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh M và chị Huỳnh Thị Ngọc D kết hôn với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là

do chị D tham gia tệ nạn xã hội chơi ma túy đá, có lúc còn dẫn bạn trai về phòng để chơi ma túy. Khi gia đình phát hiện và có trình báo chính quyền địa phương đến lập biên bản ngày 28/10/2019, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay. Khi đi chị D bỏ lại đứa con cho anh nuôi dưỡng và từ đó cho đến nay không biết chị D đi đâu, làm gì và cũng không có về thăm con. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

Về con chung: Có 01 người con tên Lưu Thị Nhã A, sinh ngày 12/10/2016, từ khi ly thân cho đến nay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cuộc sống của cháu vẫn ổn định và bản thân anh cũng có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, anh yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Mến thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày như sau:* Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản, nợ chung là đúng như anh M trình bày nêu trên.

Còn về mâu thuẫn là do anh M thiếu quan tâm đến chị, thậm chí mẹ chồng còn đối xử với chị quá khắc khe và các chị em dâu trong gia đình đều có mâu thuẫn với chị. Từ đó, chị mới bỏ về nhà cha mẹ chị sống từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Theo yêu cầu của anh M thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Lưu Văn M.

Về con chung: Chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì, hiện nay chị có công việc làm ổn định, mức thu nhập trên 10 triệu đồng/tháng, bản thân anh M thì thường đi ghe biển không có ở nhà chăm sóc nuôi dạy con.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lưu Văn M cho rằng từ khi chị D bỏ ra đi cho đến nay không có về thăm con, còn anh thì nghỉ đi ghe biển ở nhà chăm sóc, nuôi dạy con, hiện tại anh là con trai út trong gia đình chỉ sống chung với cha mẹ làm ruộng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị D và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị Ngọc D cho rằng lúc chị ra đi thì có mang theo đứa con, sau đó gia đình anh M đến nhà cha mẹ chị mượn đứa con về bên anh M chơi rồi từ đó không giao con lại cho chị và chị cũng có đến thăm con nhưng gia đình anh M không cho gặp con. Vì vậy, chị vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với anh M và yêu cầu xin được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Văn M xử giao cháu Lưu Thị Nhã A, sinh ngày 12/10/2016 cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Ngọc D không phải nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Anh anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D thừa nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D kết hôn với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh M và chị D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị thiếu tin tưởng, quan tâm với nhau, từ đó dễ xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng phai ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân chị D cũng không về thăm con và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay thì anh Lưu Văn M và Huỳnh Thị Ngọc D đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D có 01 đứa con chung tên Lưu Thị Nhã A, sinh ngày 12/10/2016, anh M và chị D đều xin được nuôi con và không yêu cầu dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của anh Lưu Văn M là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay thì anh M là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, bản thân chị Diệp cũng không quan tâm, thăm nom con, hiện nay cháu A sống với anh M đã ổn định và bản thân anh M có đủ điều kiện để nuôi con, hơn cháu A đã trên 36 tháng tuổi. Do đó nếu giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu.

Đối với chị D cho rằng trong thời gian vợ chồng ly thân thì chị có đến thăm con nhưng gia đình anh M không cho thăm và chị cũng có báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chị cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc chị đến thăm con mà gia đình anh M không cho.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Lưu Văn M giao cháu Lưu Thị Nhã A cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lưu Văn M phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy anh M đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Văn M, xử giao cháu Lưu Thị Nhã A, sinh ngày 12/10/2016 cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh M và chị D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh Lưu Văn M và chị Huỳnh Thị Ngọc D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lưu Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008408, ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh M và chị D có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/6/2020).

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

